TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-DS ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; trụ sở: Số 18 đường Trần Quang Khải, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Khu phố C, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1980, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 90/UQ-NBD-KHBL ngày 24/02/2020).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Trúc Q, sinh năm 1983; tạm trú: phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Ông Bùi Đức L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Phạm Thị Trúc Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo các hợp đồng cho vay với bà Phạm Thị Trúc Q như sau:

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 098DA15:

Số tiền cho vay: 40.000.000 đồng

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tiêu dùng cho cán bộ nhân viên trung hạn VND được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng N – chi nhánh X trong từng thời kỳ cộng (+) biên độ 0.6%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên nợ gốc thực tế quá hạn và thời gian quá hạn.

Quá thời hạn trả nợ, Ngân hàng N nhiều lần gửi văn bản và liên hệ làm việc đề nghị trả nợ nhưng bà Phạm Thị Trúc Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Trúc Q thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi liên quan đến hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 21/7/2020 là 2.458.832 đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 2.107.373 đồng;

- Lãi trong hạn: 226.505 đồng;

- Lãi quá hạn: 124.954 đồng.

- Đối với bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q nhưng

không thực hiện được với lý do bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không khai báo với chính quyền địa phương, không cung cấp địa chỉ mới. Mặt khác, theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 098DA15 ngày 28/01/2015 được ký kết giữ Ngân hàng N và bà Q thể hiện địa chỉ nơi ở của bà Q tại phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Như vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án. Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn cung cấp.

[4] Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định: Ngày 28/01/2015, Ngân hàng N và bà Phạm Thị Trúc Q ký kết Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 098DA15. Nội dung hợp đồng, Ngân hàng N cho bà Phạm Thị Trúc Q vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Q số tiền 40.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 28/01/2015; lãi suất cho vay 11,6%/năm (lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng N - chi nhánh X trong từng thời kỳ cộng (+) biên độ 0,6%/năm).

[5] Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Quá thời hạn trả nợ, bà Q vẫn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2020, bà Q còn nợ Ngân hàng số tiền 2.458.832 đồng, trong đó gồm nợ gốc: 2.107.373 đồng; lãi trong hạn: 226.505 đồng; lãi quá hạn: 124.954 đồng. Xét thấy bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Q thanh toán nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Phạm Thị Trúc Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Phạm Thị Trúc Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền 2.458.832 đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 2.107.373 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 226.505 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 124.954 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2020, bà Phạm Thị Trúc Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà Phạm Thị Trúc Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Trúc Q phải chịu 300.000 đồng.

Ngân hàng N không phải chịu. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0040200 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Trang